TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: **37**/2024/HNGĐ - ST Ngày: 30-12-2024. V/v: "Tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Phúc**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Đăng Hiền**
2. Ông **Huỳnh Thái Thân**

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Hoàng Mỹ Dung** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Văn Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Jơ Lơng N K Rim (Jơ Lơng Nai K)**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số nhà H P, tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Anh **Ro Đa B (Ro D)**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Đường H, tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

(nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23 tháng 9 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Jơ Lơng N K Rim trình bày: Chị và anh Ro Đa B tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và kết hôn với nhau năm 2004. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 05/4/2004. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thì vợ chồng chỉ hạnh phúc trong năm đầu tiên, từ năm thứ hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ro Đa B thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, không chăm lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Việc chăm lo cho gia đình, chăm lo con cái là một mình chị quán xuyến. Thời gian đầu thì vì con

còn nhỏ nên chị đã cố gắng chịu đựng, nhưng rồi sau này không chịu đựng được nữa. Có thời điểm chị cần tiền cần vay vốn ngân hàng để đầu tư làm vườn cần chữ ký của anh B để vay vốn anh B cũng không chịu ký. Có lúc nhậu say về nhà khuya anh B còn chửi bới, đánh đập vợ con.

Khoảng tháng 5 năm 2024 gia đình dòng họ hai bên có đến hòa giải mâu thuẫn cho hai vợ chồng nhưng hòa giải không được. Cả hai bên gia đình thống nhất quyết định cho hai vợ chồng ly hôn. Anh B về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5 năm 2024 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm nhau, mặc ai nấy sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Ro Đa B.

- Về con chung*:*

Quá trình giải quyết vụ án chị Jơ Lơng N K Rim trình bày giữa chị và anh Ro Đa B có 02 con chung tên Jơ Lơng Nai L, sinh ngày 30/10/2005, Jơ Lơng Quang T, sinh ngày: 05/02/2011. Hiện cháu Nai L đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Cháu T đang do chị K R trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Jơ Lơng N K Rim yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Jơ Lơng Quang T cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Quá trình làm việc chị Jơ Lơng N K Rim trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Ro Đa B không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh B vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời chị K có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên được. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Anh Ro Đa B xác nhận vợ chồng tự nguyện kết hôn năm 2004. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 05/4/2004 như chị K đã trình bày. Theo anh B quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Chỉ có khoảng thời gian anh thất nghiệp có uống rượu say. Khi uống say thì anh cũng có chửi vợ. Anh xác nhận vào khoảng tháng 5 năm 2024 gia đình hai bên có hòa giải mâu thuẫn cho vợ chồng anh nhưng không được. Anh về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng

5 năm 2024 đến nay. Vợ chồng không đi lại quan tâm nhau, mặc ai nấy sống. Nay chị K R yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung:

Anh B cũng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Jơ Lơng Nai L, sinh ngày 30/10/2005, Jơ Lơng Quang T, sinh ngày: 05/02/2011. Hiện cháu Nai L đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Cháu T đang do chị K R trực tiếp nuôi dưỡng.

Ly hôn anh đồng ý giao cháu T cho chị K Rim tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang đi làm thuê, thu nhập không ổn định. Nhà thì đang ở phía bên mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung:

Theo anh B vợ chồng có tài sản là anh có đóng góp công sức vào việc xây dựng căn nhà chung hiện nay chị K và cháu T đang ở. (nhà được xây trên đất của gia đình chị K) và một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Anh không tranh chấp tài sản với chị K, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Theo anh, vợ chồng không có nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị J Lơng Nai K Rim và anh Ro Đa B được ly hôn; về con chung: Giao cháu Jơ Lơng Quang T cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Ro Đa B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị K R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Jơ Lơng Nai K và anh Ro Đa B. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn T, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa chị Jơ Lơng N K Rim vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử

vắng mặt chị K Rim theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho KRim theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị K R và anh Ro Đa B đã được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 05/4/2004, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị K R và anh Ro Đa B là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị K R thì vợ chồng sống được một năm sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ro Đa B thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, không chăm lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Việc chăm lo cho gia đình, chăm lo con cái là một mình chị quán xuyến. Có lúc nhậu say về nhà khuya anh B còn chửi bới, đánh đập vợ con. Phía anh Ro Đa B cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh thừa nhận là thời điểm anh thất nghiệp không đi làm thì có uống rượu và thỉnh thoảng cũng có chửi bới chị K. Anh cũng xác nhận anh về phía nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5 năm 2024 và vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay, không quan tâm nhau, mặc ai nấy sống. Đến nay anh cũng đồng ý ly hôn chị K R.

Như vậy, mặc dù anh B không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên căn cứ lời trình bày của các bên và thời gian vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau, mặc ai nấy sống cho thấy việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K R và anh Ro Đ Buyn là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. chị K R yêu cầu được ly hôn, phía anh B cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K R, cho chị J Lơng Nai K Rim và anh Ro Đa B được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị K R và anh Ro Đa B đều xác nhận có 02 người con chung là cháu: Jơ Lơng Nai L, sinh ngày: 30/10/2005, Jơ Lơng Quang T, sinh ngày 05/02/2011. Các bên đều xác nhận cháu J Lơng Nai L đã đủ tuổi trưởng thành và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án phía chị K Rim yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh B cũng đồng ý giao cháu Jơ Lơng Quang T cho chị K Rim tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Jơ Lơng Quang T có nguyện vọng được sống với chị K R. Hiện nay cháu T đang được chị K R trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K R không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Jơ Lơng Quang T cho chị K Rim trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Ro Đa B không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Hai bên đều xác nhận không có nợ chung.

Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị K R phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật.

Anh Ro Đa B không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị J1 (Jơ Lơng N KRim) đối với bị đơn anh Ro Đa B (Ro D).

Cho chị Jơ Lơng N K Rim (Jơ Lơng N KRim) và anh Ro Đa B (Ro D) được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 05/4/2004 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao cháu Jơ Lơng Quang T, sinh ngày 05/02/2011 cho chị J Lơng Nai K Rim (Jơ Lơng N KRim) trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Ro Đa B (R1) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Jơ Lơng N K Rim phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị K R đã nộp theo biên lai thu số 0002685 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị K R đã nộp đủ án phí. Anh Ro Đa B không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phúc